

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/ HNGĐ- ST

Ngày 09/9/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Thành

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Lê Đình L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu dân cư M, phường Đ, thành phố C, tỉnh H;

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư M, phường Đ, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh H;

Anh L, chị H vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Anh L và chị H kết hôn ngày 30/5/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh H. Trước khi kết hôn với chị H thì anh L và chị H đều đã ly hôn và mỗi người đều có 01 con riêng. Khi đó, anh L 26 tuổi, chị H 33. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2011 mới đi đến kết hôn. Anh chị có được gia đình chấp nhận và làm vài mâm cơm mời họ hàng người thân chứ không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh L cùng với mẹ đẻ anh L tại khu dân cư M, phường Đ, thành phố C, tỉnh H. Theo anh L, trong thời gian đầu chung sống kinh tế gia đình vợ chồng khó khăn nên anh L đã phải đi xuất khẩu lao động ở Malaysia. Đi làm được khoảng 01 năm thì anh L có nghe nói chị H ở nhà không chung thủy với anh. Anh L đã gửi tiền về cho chị H để chị H làm thủ tục sang Malaysia làm cùng anh L. Chị H làm được 01 năm thì công ty không làm ăn được, chị H về Việt Nam và làm may tại công ty TNHH Michigan Hải Dương. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ đó, anh chị thường xuyên cãi nhau, bất đồng với nhau. Anh L cũng không gửi tiền về cho chị H nữa vì anh cho rằng chị không bỏ được tính lẳng nhăng. Mặc dù vợ chồng nói chuyện và gia đình có góp ý nhưng chị H vẫn không thay đổi được tính cách. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và không còn nữa, không còn muốn quan tâm đến nhau nữa. Ngày 18/02/2022 anh về Việt Nam làm ăn và có viết đơn xin ly hôn chị H, chị H đã ký vào đơn và dọn ra thuê nhà ở khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh H ở. Vợ chồng ly thân hơn 6 năm nay không còn quan tâm liên lạc đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng hết sức trầm trọng không thể hàn gắn được, không ai quan tâm đến ai. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Theo chị H: Ban đầu cuộc sống vợ chồng cũng bình thường. Năm 2013 do kinh tế gia đình khó khăn anh chị có bàn bạc để anh L đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, ngay từ thời gian đầu mới sang làm ăn thì anh L đã không gửi tiền về nuôi con, chỉ thi thoảng anh L có gọi điện thoại về hỏi thăm vợ con. Đi được 4 năm thì anh L gần như không liên lạc về cho vợ con nữa. Sau đó anh L cho người phụ nữ mà chị không biết là ai gọi điện về chửi bới chị. Tháng 10 năm 2019 anh L về Việt Nam và có cho chị sang Malaysia làm cùng. Sang đó làm được 9 tháng thì chị không chịu được việc anh L chơi bời, gái gú rồi đánh đập chị nên chị đã về Việt Nam. Vợ chồng từ đó rất ít liên lạc với nhau và anh L cũng không gửi tiền về nuôi con. Cuối năm 2020 anh L về ăn tết (25 tết) được 01 tháng thì anh L lại đi lao động đến ngày 19/02/2022 anh L về nước và ở Việt Nam làm ăn. Khi về nước anh chị không ở cùng nhau. Chị và con chuyển lên nhà trọ ở khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh H thuê nhà ở. Anh L không bảo gì và cũng không ngăn cản việc này. Việc thuê nhà trọ chị cũng có ý định từ trước rồi, nhưng chỉ chờ anh L về để nói chuyện rõ ràng thôi. Từ ngày mẹ con chị đi ở ngoài nhà trọ anh L cũng không tìm đón mẹ con chị về. Thi thoảng anh L có gọi điện cho chị nhưng chị trả lời không còn liên quan gì và chị tắt máy ngay. Nay anh L xin xin hôn chị bản thân chị không mong muốn sống cùng anh L nữa nên cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Đình D, sinh ngày 14/10/2011. Hiện tại cháu D đang ở cùng chị H. Nếu anh chị ly hôn chị H có

nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đình D, sinh ngày 14/10/2011. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Chị H hiện làm công nhân công ty TNHH Michigan Hải Dương tại phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thu nhập hàng tháng là 6.000.000đồng, làm giờ hành chính, có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: anh L và chị H đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bà N - mẹ đẻ anh L trình bày và xác nhận: Anh L và chị H kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới anh chị ở cùng với gia đình bà. Bà ở nhà trên, anh chị ở nhà dưới. Cuộc sống kinh tế khó khăn, năm 2013 anh L có đi xuất khẩu lao động. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đó, nguyên nhân cũng bởi hai bên không tin tưởng nhau. Anh chị có cãi nhau và đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị H tuy đã thuê nhà ở riêng nhưng thi thoảng bà vẫn bảo hai mẹ con về nhà chơi. Anh L xác định không còn tình cảm với chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Nếu anh L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bà sẽ hỗ trợ anh L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Qua xác minh với nhà trường nơi cháu D thời gian qua cháu theo học thể hiện: Do mới đầu năm học, nên việc đưa đón cháu đi học và hỏi thăm việc học của cháu đều là mẹ của cháu là chị H trao đổi với giáo viên chủ nhiệm và hỏi thăm tình hình của cháu. Nếu anh L và chị H ly hôn, việc giao cháu D cho ai trực tiếp nuôi dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư T, Đ xác định: Quá trình mâu thuẫn giữa anh L và chị H địa phương không nắm được. Chỉ xác định được khoảng đầu năm 2022, chị H và con đến thuê nhà trọ để ở trên địa bàn khu dân cư T, phường Đ. Chị H đi làm công ty, còn cháu nhỏ đi học.

Tại phiên tòa:

Anh L và chị H đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238,

khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình L. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Đình L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Đình D, sinh ngày 14/10/2011 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: anh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

Anh Lê Đình L khởi kiện xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại phường Đ, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị H là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, anh L, chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, chị H.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình L và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày. Bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên. Anh chị đã có lời lẽ chửi bới, xúc phạm, không tôn trọng và xô xát lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà đến năm 2022, khi anh L về Việt Nam làm ăn nhưng anh chị không ở chung với nhau. Mà chị H đã xác định trước là anh L về thì chị sẽ dọn ra ngoài ở dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng nặng nề, kéo dài. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ đầu năm 2022 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh L chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho anh L được ly hôn chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

#### **[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:**

Anh chị có một con chung là Lê Đình D, sinh ngày 14/10/2011. Hiện tại cháu D đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của anh L, chị H thấy rằng: Anh L hiện làm nhận tại công ty Nhôm Đông Á; địa chỉ: Tân Dân, Chí Linh, Hải Dương. Chị H làm công nhân may tại công ty TNHH Michigan Hải Dương; địa chỉ: T, C, H. Anh chị đều có việc làm, thu nhập, có điều

kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Anh L được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng các cháu. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của anh chị đều chính đáng, phù hợp với nguyên vọng của người làm cha làm mẹ. Do cháu D ở với chị H từ nhỏ và hiện đang ở cùng chị H vẫn được chị H chăm sóc tốt nên giao cháu D cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do vậy anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Lê Đình D cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị H tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình L

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Đình L ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Đình D, sinh ngày 14/10/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh L có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Đình L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên

lai thu số AA/2022/0002985 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Đồng Lạc, thành phố Chí Linh(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Vân Anh**